



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Báo cáo Tài chính riêng
giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận 0103018458 ngày 23 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng Nhận 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 1 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng Nhận 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016
Đăng ký Đầu tư số

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Chu Việt Cường	Thành viên
Lưu Đức Khánh	Thành viên
Đinh Việt Phương	Thành viên
Lương Thế Phúc	Thành viên

(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Đinh Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah	Giám đốc Tài chính

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Đoàn Thu Hương
Phạm Văn Đầu

Phạm Minh Hà

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)

Thành viên

(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Đơn nguyên 1, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được kiểm toán. Tuy nhiên, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã được chúng tôi soát xét và báo cáo soát xét ngày 29 tháng 8 năm 2016 kết luận rằng chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ này đã không phản ánh trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán và do vậy không cung cấp cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-366-1



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Thị Như An

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 3017-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		9.568.103.712.679	8.760.720.394.235
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	2.637.101.661.314	2.425.043.160.136
Tiền	111		373.121.661.314	770.443.160.136
Các khoản tương đương tiền	112		2.263.980.000.000	1.654.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.507.344.153.011	5.899.843.847.782
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	338.704.658.656	484.387.835.852
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10(a)	113.208.913.330	91.313.947.896
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	6.055.430.581.025	5.324.142.064.034
Hàng tồn kho	140	12	180.503.841.594	137.930.296.755
Tài sản ngắn hạn khác	150		243.154.056.760	297.903.089.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	188.023.667.664	241.049.562.115
Thuế phải thu Nhà Nước	153	19(b)	55.130.389.096	56.853.527.447
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		13.732.755.036.689	9.750.998.125.186
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.328.566.483.982	5.098.375.056.077
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	7.627.066.483.982	4.396.875.056.077
Tài sản cố định	220		1.292.310.720.147	1.046.915.836.501
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.287.384.562.046	1.039.768.837.676
Nguyên giá	222		1.385.187.685.318	1.102.453.625.349
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.803.123.272)	(62.684.787.673)
Tài sản cố định vô hình	227	14	4.926.158.101	7.146.998.825
Nguyên giá	228		27.127.786.155	27.127.786.155
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.201.628.054)	(19.980.787.330)
Tài sản dở dang dài hạn	240		187.060.578.910	180.956.604.239
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	187.060.578.910	180.956.604.239
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	77.424.629.818	77.424.629.818
Đầu tư vào các công ty con	251		9.000.000.000	9.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		3.847.392.623.832	3.347.325.998.551
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	3.847.392.623.832	3.347.325.998.551
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.300.858.749.368	18.511.718.519.421

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.447.279.391.363	15.439.746.114.451
Nợ ngắn hạn	310		12.951.479.246.658	10.692.674.531.581
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	218.624.508.666	381.433.703.156
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		377.582.549.829	291.656.427.709
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	221.768.061.455	196.853.480.072
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.003.054.265.538	478.908.435.987
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.537.255.752.947	1.306.836.634.360
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.593.485.039.004	690.910.035.875
Vay ngắn hạn	320	23(a)	5.499.599.830.554	6.102.386.845.285
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	1.500.109.238.665	1.243.688.969.137
Nợ dài hạn	330		5.495.800.144.705	4.747.071.582.870
Phải trả dài hạn khác	337		5.905.373.020	5.905.373.020
Vay dài hạn	338	23(b)	660.435.837.480	694.840.299.644
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	119.748.517.249	82.471.339.722
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	4.709.710.416.956	3.963.854.570.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.853.579.358.005	3.071.972.404.970
Vốn chủ sở hữu	410	26	4.853.579.358.005	3.071.972.404.970
Vốn cổ phần	411	27	3.223.880.600.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.535.501.732.805	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.197.025.200	71.972.404.970
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.300.858.749.368	18.511.718.519.421

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	10.797.201.318.207	7.401.398.735.756
Giá vốn hàng bán	11	31	9.097.270.103.470	6.259.108.173.792
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		1.699.931.214.737	1.142.290.561.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	28.337.632.617	48.105.591.719
Chi phí tài chính	22	33	258.859.657.568	150.983.520.881
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>117.897.169.144</i>	<i>74.155.426.980</i>
Chi phí bán hàng	25	34	280.439.148.638	209.144.685.040
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	98.383.267.034	86.842.119.530
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.090.586.774.114	743.425.828.232
Thu nhập khác	31		8.912.256.479	3.663.846.351
Chi phí khác	32		1.586.452	22.450.667
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.910.670.027	3.641.395.684
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.099.497.444.141	747.067.223.916
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	72.831.466.382	47.772.056.007
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	37.277.177.527	27.051.906.194
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		989.388.800.232	672.243.261.715

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.099.497.444.141	747.067.223.916
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.339.176.323	8.900.889.981
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03	105.154.148.528	69.352.288.506
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	116.032.486	4.003.156.307
Lãi tiền gửi	05	(28.337.632.617)	(30.528.297.436)
Chi phí lãi vay	06	117.897.169.144	74.155.426.980
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.331.666.338.005	872.950.688.254
Biến động các khoản phải thu	09	(1.009.258.500.159)	(347.827.367.796)
Biến động hàng tồn kho	10	(42.573.544.839)	16.050.974.910
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.901.274.899.202	152.869.058.382
Biến động chi phí trả trước	12	476.015.595.467	226.979.362.742
		2.657.124.787.676	921.022.716.492
Tiền lãi vay đã trả	14	(118.648.499.112)	(82.940.836.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(110.937.638.448)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.427.538.650.116	828.081.880.160
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(130.872.022.150)	(1.589.268.566.756)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21	(3.035.493.461.531)	(575.158.574.654)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	270.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(60.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	26.611.618.728	74.837.850.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.139.753.864.953)	(1.879.589.291.140)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
			Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.846.648.019.016	71.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	11.705.563.912.978	9.872.346.179.870
Tiền trả hợp đồng hợp tác đầu tư	33	-	(300.000.000.000)
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.319.955.283.250)	(7.536.481.882.639)
Tiền chi trả cổ tức	36	(287.748.150.952)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	944.508.497.792	2.107.364.297.231
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	232.293.282.955	1.055.856.886.251
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.425.043.160.136	894.104.824.858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(20.234.781.777)	(3.695.811.262)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	2.637.101.661.314	1.946.265.899.847

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2.593 nhân viên (1/1/2017: 2.440 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư vào công cụ nợ mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Công ty có nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng máy bay được ghi nhận như là các khoản phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Công ty khi Công ty hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ (APU). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng máy bay nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Công ty và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Công ty có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Công ty trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng máy bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế cho lần bảo dưỡng tiếp theo. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Công ty trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Công ty có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Công ty (nếu có) và hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, hoa hồng, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay

Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu cho thuê máy bay

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(v) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty chủ yếu tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ vận tải hàng không và do đó, phụ thuộc vào nhu cầu thời vụ của hoạt động vận chuyển hàng không. Với giả định không thay đổi về số lượng tuyến bay và số lượng máy bay hoạt động, doanh thu cho nửa đầu năm thường có xu hướng cao hơn nửa cuối năm. Tính thời vụ này phù hợp với kỳ vọng của Ban Giám đốc Công ty.

5. Ước tính kế toán

Trong khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán và kết quả thực tế có thể khác so với các ước tính này.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Công ty có 1 bộ phận hoạt động kinh doanh là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay (gọi chung là “dịch vụ hàng không”).

Trừ hoạt động nêu trên, Công ty không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong Thuyết minh 30 và Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Công ty là không được phân bổ.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên các báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Tại Việt Nam	7.427.425.320.655	5.894.989.726.126
Ngoài Việt Nam	3.369.775.997.552	1.506.409.009.630
	<hr/>	<hr/>
	10.797.201.318.207	7.401.398.735.756

Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và hoạt động chủ yếu là ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	14.240.079.784	2.510.481.354
Tiền gửi ngân hàng	358.881.581.530	767.932.678.782
Các khoản tương đương tiền	2.263.980.000.000	1.654.600.000.000
	2.637.101.661.314	2.425.043.160.136

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% trong kỳ (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: từ 4,8% đến 5,5%) và các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD có kỳ hạn dưới 3 tháng và không hưởng lãi.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 55.000 triệu VND (1/1/2017: 175.000 triệu VND) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại HDBank – Hội sở (Thuyết minh 23(a)).

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	225.132.493.700	314.187.605.880
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	25.113.462.393	49.867.516.970
World Go International Co., Ltd	29.805.460.873	38.556.753.163
Các khách hàng khác	58.653.241.690	81.775.959.839
	338.704.658.656	484.387.835.852

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	25.113.462.393	49.867.516.970
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Khách sạn Indochina Beach	30.724.000	51.342.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Thiên Thai	-	16.500.000

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	70.978.508.183	27.143.242.096
Trả trước cho dịch vụ bay của Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	-	14.757.791.669
Trả trước cho việc xây dựng văn phòng	9.907.844.800	-
Trả trước khác	32.322.560.347	49.412.914.131
	113.208.913.330	91.313.947.896

Các khoản trả trước cho bên liên quan không được bảo đảm và không hưởng lãi.

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Công ty để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TĐĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình. Công ty sẽ được nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Công ty sau khi dự án hoàn thành dự kiến trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	702.418.887.003	468.344.946.987
Phải thu khác từ Vietjet Air IVB No. II Limited, một công ty con	1.451.006.700	332.617.392.000
Bên thứ Ba		
Đặt cọc mua máy bay	3.979.975.237.156	3.462.539.158.419
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	1.184.647.593.355	901.462.143.692
Tạm ứng cho nhân viên	49.197.279.525	39.944.053.468
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	45.477.792.745	14.573.306.867
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	12.034.059.052	12.079.587.527
Lãi tiền gửi phải thu	3.432.083.333	1.706.069.444
Phải thu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu	-	32.409.850.138
Các khoản đặt cọc khác	66.590.206.759	30.296.462.087
Phải thu khác	10.206.435.397	28.169.093.405
	<hr/>	<hr/>
	6.055.430.581.025	5.324.142.064.034

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đặt cọc mua máy bay	4.187.649.673.979	1.669.592.291.185
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.695.174.552.395	2.099.900.362.116
Đặt cọc thuê máy bay	706.057.513.577	614.849.191.414
Phải thu khác	38.184.744.031	12.533.211.362
	<hr/>	<hr/>
	7.627.066.483.982	4.396.875.056.077

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	172.477.149.360	-	133.562.282.327	-
Hàng hóa	8.026.692.234	-	4.368.014.428	-
	<hr/>		<hr/>	
	180.503.841.594	-	137.930.296.755	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 180.504 triệu VND (1/1/2017: 137.930 triệu VND) được thế chấp tại Vietinbank – Chi nhánh Quận 11 để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 23(a)).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.293.940.518	14.938.391.466	1.102.453.625.349
Tăng trong kỳ	278.585.022.680	200.000.000	1.307.978.654	2.300.363.635	282.393.364.969
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	340.695.000	-	-	-	340.695.000
Số dư cuối kỳ	1.293.898.541.101	57.448.469.944	16.601.919.172	17.238.755.101	1.385.187.685.318
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.816.828.145	13.011.087.353	11.223.520.835	7.633.351.340	62.684.787.673
Khấu hao trong kỳ	29.267.972.894	3.816.278.563	608.611.300	1.425.472.842	35.118.335.599
Số dư cuối kỳ	60.084.801.039	16.827.365.916	11.832.132.135	9.058.824.182	97.803.123.272
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	984.155.995.276	44.237.382.591	4.070.419.683	7.305.040.126	1.039.768.837.676
Số dư cuối kỳ	1.233.813.740.062	40.621.104.028	4.769.787.037	8.179.930.919	1.287.384.562.046

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá là 12.936 triệu VND (1/1/2017: 11.455 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có các tài sản với giá trị còn lại là 848.941 triệu VND (1/1/2017: 888.585 triệu VND) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh 23(b)).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	27.127.786.155
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	19.980.787.330
Phân bổ trong kỳ	2.220.840.724
Số dư cuối kỳ	22.201.628.054
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.146.998.825
Số dư cuối kỳ	4.926.158.101

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 9.897 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 6.613 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Số dư đầu kỳ	180.956.604.239	131.379.001.816
Tăng trong kỳ	91.878.679.861	1.045.773.837.128
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(340.695.000)	(901.292.821.421)
Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	(85.434.010.190)	(91.214.761.170)
Số dư cuối kỳ	187.060.578.910	184.645.256.353

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 23.524 triệu VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 9.161 triệu VND).

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc mua máy bay.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	% quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	VND	% quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:				
▪ Các công ty con				
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	90%	9.000.000.000	90%	9.000.000.000
- Vietjet Air IVB No. I Limited	100%	-	100%	-
- Vietjet Air IVB No. II Limited	100%	-	100%	-
- Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.	100%	-	100%	-
- Vietjet Air Ireland No. 1 Limited	100%	-	100%	-
		9.000.000.000		9.000.000.000
▪ Các công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
		60.000.000.000		60.000.000.000
▪ Các đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
		7.868.448.000		7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		556.181.818		556.181.818
		77.424.629.818		77.424.629.818

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên	Thuyết minh	Nơi thành lập	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Các hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo		Việt Nam	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và dịch vụ liên quan.
Vietjet Air IVB No. I Limited	(a)	British Virgin Islands	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air IVB No. II Limited	(a)	British Virgin Islands	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.	(a)	Singapore	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited	(a)	Ireland	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	Kinh doanh máy bay.
Công ty liên kết				
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	(a), (b)	Thái Lan	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyên giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến du lịch và các dịch vụ liên quan khác.
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	(a)	Việt Nam	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 2016	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

- (a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.
- (b) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí thuê máy bay trả trước	169.887.280.303	227.656.900.271
Chi phí bảo dưỡng máy bay trả trước	17.460.447.002	13.212.911.483
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	675.940.359	179.750.361
	<u>188.023.667.664</u>	<u>241.049.562.115</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuế VND	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	210.909.450.415	166.521.757.016	172.072.300.904	2.797.822.490.216	3.347.325.998.551
Tăng trong kỳ	58.657.511.356	35.269.497.807	54.104.494.661	910.946.718.433	1.058.978.222.257
Phân bổ trong kỳ	(84.805.209.817)	(53.045.780.971)	9.984.233.693	(389.049.953.084)	(516.916.710.179)
Xóa sổ trong kỳ	-	-	-	(41.994.886.797)	(41.994.886.797)
Số dư cuối kỳ	<u>184.761.751.954</u>	<u>148.745.473.852</u>	<u>236.161.029.258</u>	<u>3.277.724.368.768</u>	<u>3.847.392.623.832</u>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	41.901.084.209	243.481.418.499
Freebird Airlines	23.567.296.777	-
The Civil Aviation Administration of China's Settlement Center	22.107.763.696	9.586.272.790
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	-	21.849.959.094
Các nhà cung cấp khác	131.048.363.984	106.516.052.773
	<hr/> 218.624.508.666	<hr/> 381.433.703.156 <hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	127.280.429	97.065.680
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	64.969.047.604	748.271.453.070	(249.438.924.957)	(442.824.496.553)	-	120.977.079.164
Thuế thu nhập cá nhân	16.856.693.763	110.154.197.339	(103.141.475.450)	-	-	23.869.415.652
Thuế nhà thầu	-	33.915.878.739	(32.192.740.388)	-	(1.723.138.351)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.027.738.705	72.831.466.382	(110.937.638.448)	-	-	76.921.566.639
	196.853.480.072	965.172.995.530	(495.710.779.243)	(442.824.496.553)	(1.723.138.351)	221.768.061.455

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế nhà thầu	56.853.527.447	-	-	-	(1.723.138.351)	55.130.389.096

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí liên quan đến máy bay	803.799.540.272	409.026.251.553
Chi phí luật và tư vấn liên quan đến việc phát hành cổ phiếu	87.265.686.211	-
Lương tháng 13	23.545.065.073	34.312.991.844
Chi phí bảo trì	6.899.404.689	6.587.341.493
Chi phí lãi vay	4.112.554.431	4.863.884.399
Chi phí khác	77.432.014.862	24.117.966.698
	<hr/>	<hr/>
	1.003.054.265.538	478.908.435.987

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.537.255.752.947	1.306.836.634.360

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan		
Phải trả tiền bán máy bay thu hộ cho Vietjet Air IVB No. I Limited, một công ty con	674.644.000.000	-
Phải trả khoản giảm giá mua hàng thu hộ cho Vietjet Air IVB No. I Limited, một công ty con	328.930.866.236	85.530.843.556
Phải trả tiền bán máy bay thu hộ cho Vietjet Air IVB No. II Limited, một công ty con	77.835.689.500	78.065.238.400
Phải trả phí tư vấn cho Công ty Cổ phần Sovico, một cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	5.745.617.422	5.972.677.422
Cổ tức phải trả	280.672.942.000	-
Các bên thứ ba		
Cổ tức phải trả	398.743.087.050	-
Lệ phí sân bay phải trả	600.400.394.649	399.300.619.575
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	217.366.799.010	107.423.263.649
Phải trả khác	9.145.643.137	14.617.393.273
	2.593.485.039.004	690.910.035.875

Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Thanh toán VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.036.432.585.285	11.705.563.912.978	(12.287.643.943.250)	5.434.267.780.554
Vay dài hạn đến hạn trả	65.954.260.000	31.689.130.000	(32.311.340.000)	65.332.050.000
	6.102.386.845.285	11.737.253.042.978	(12.319.955.283.250)	5.499.599.830.554

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở (i)			
Khoản vay 1	VND	-	106.812.385.443
Khoản vay 2	USD	864.069.243.989	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (ii)			
Khoản vay 3	VND	2.620.296.944.659	1.647.157.457.453
Khoản vay 4	USD	735.563.708.738	334.867.496.106
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)			
Khoản vay 5	VND	154.247.117.208	340.862.342.163
Khoản vay 6	USD	23.993.744.967	682.060.978.753
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (iii)			
Khoản vay 7	VND	-	118.684.487.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iii)			
Khoản vay 8	VND	-	770.578.961.161
Khoản vay 9	USD	906.447.476.011	79.764.999.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)			
Khoản vay 10	USD	-	128.315.091.936
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)			
Khoản vay 11	VND	-	894.341.373.335
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (iii)			
Khoản vay 12	USD	-	433.497.690.959
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (iii)			
Khoản vay 13	VND	129.649.544.982	166.665.685.684
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (iii)			
Khoản vay 14	USD	-	332.823.634.893
		5.434.267.780.554	6.036.432.585.285

Các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% cho các khoản vay bằng VND và từ 1,4% đến 2,5% cho các khoản vay bằng USD cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay 1 và 2 từ HDBank – Hội sở, một bên liên quan, được bảo đảm bởi các tài sản sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 8)	55.000.000.000	175.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay 2 được bảo đảm như sau:

- Khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của các máy bay giao trong tháng 9 năm 2017 giữa Công ty và Sky Aviation Leasing International Limited and Jackson Square Aviation LLC, các công ty cho thuê máy bay; và
- Khoản thu phát sinh từ hoạt động bán vé máy bay.

- (ii) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 3 và 4 như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng tồn kho (Thuyết minh 12)	180.503.841.594	137.930.296.755

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay 3 và 4 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A321 của các máy bay giao trong tháng 9 năm 2017 giữa Công ty và Sky Aviation Leasing International Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (iii) Các khoản vay 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 and 14 không được bảo đảm.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	LIBOR 6 tháng + 2,7%	2017 – 2028	725.767.887.480	760.794.559.644
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(65.332.050.000)	(65.954.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				660.435.837.480	694.840.299.644

Theo hợp đồng gốc, số dư nợ gốc vay này được hoàn trả trong 24 kỳ, mỗi kỳ sáu tháng trả 1.4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1.5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc số 24012017/HDNT/MB-VJ ngày 24 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và bên cho vay, Công ty đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất với bên cho vay theo tỷ lệ của khoản vay nhằm quản trị ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá và lãi suất của khoản vay này. Dựa trên Thỏa Thuận này, Công ty sẽ nhận USD từ bên cho vay để thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan; và trả VND tương đương cho bên cho vay sử dụng tỷ giá VND/USD cố định là 22.575 và lãi suất cố định năm là 7,5% cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019. Các khoản thanh toán được thực hiện vào cuối mỗi kỳ sáu tháng và ngày thanh toán đầu tiên là ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Máy bay số hiệu A320 MSN7167, VNA675 (Thuyết minh 13)	848.941.035.605	888.585.171.422

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621
Dự phòng lập trong kỳ	910.946.718.433	54.104.494.661	965.051.213.094
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	101.524.247.232	3.629.901.296	105.154.148.528
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(72.496.946.260)	-	(72.496.946.260)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.567.700.638	-	4.567.700.638
Số dư cuối kỳ	5.860.094.944.487	349.724.711.134	6.209.819.655.621
Ngắn hạn	1.500.109.238.665	-	1.500.109.238.665
Dài hạn	4.359.985.705.822	349.724.711.134	4.709.710.416.956
	5.860.094.944.487	349.724.711.134	6.209.819.655.621

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	2.368.124.035
Dự phòng phải trả	620.981.965.562	520.754.353.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.918.086.576	3.431.299.184
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	626.900.052.138	526.553.777.181
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(351.388.539.803)	(296.989.479.112)
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	(387.982.214.576)	(300.136.250.581)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(7.277.815.008)	(11.899.387.210)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(746.648.569.387)	(609.025.116.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(119.748.517.249)	(82.471.339.722)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.450.000.000.000	-	134.523.643.242	1.584.523.643.242
Cổ tức bằng cổ phiếu	478.500.000.000	-	(478.500.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	71.500.000.000	-	-	71.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	672.243.261.715	672.243.261.715
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.000.000.000.000	-	328.266.904.957	2.328.266.904.957
- Chưa kiểm toán				
Phát hành cổ phiếu phổ thông	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	500.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-
Cổ tức	-	-	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	743.705.500.013	743.705.500.013
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.000.000.000.000	-	71.972.404.970	3.071.972.404.970
Phát hành cổ phiếu phổ thông	223.880.600.000	1.535.501.732.805	-	1.759.382.332.805
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(967.164.180.002)	(967.164.180.002)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	989.388.800.232	989.388.800.232
Số dư tại ngày 30 tháng năm 2017	3.223.880.600.000	1.535.501.732.805	94.197.025.200	4.853.579.358.005

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt/đã phát hành (*)				
Cổ phiếu phổ thông	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- (*) Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào đã phê duyệt tăng vốn cổ phần từ 3.223 tỷ VND lên 4.513 tỷ VND bằng cách phát hành cổ phiếu theo tỷ lệ 40 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu hiện hữu. Tại ngày báo cáo, việc phát hành cổ phiếu này chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam phê duyệt.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu Chưa kiểm toán	VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu kỳ	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (**)	22.388.060	223.880.600.000	7.150.000	71.500.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	47.850.000	478.500.000.000
Số dư cuối kỳ	322.388.060	3.223.880.600.000	200.000.000	2.000.000.000.000

- (**) Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phát hành 22.388.060 cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Hoa Hướng Dương, một bên liên quan, theo giá là 84.600 VND mỗi cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã phát hành số cổ phiếu mới cho cổ đông này vào ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức là 322.388 triệu VND (1.000 VND mỗi cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho các cổ đông hiện hữu.

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 644.776 triệu VND (2.000 VND mỗi cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho các cổ đông hiện hữu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 478.500 triệu VND).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.004.833.330.656	3.328.499.183.704
Trong vòng 2 đến 5 năm	15.135.722.612.421	11.784.521.445.255
Sau 5 năm	16.879.765.459.808	12.974.577.948.968
	36.020.321.402.885	28.087.598.577.927

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	43.564.340	988.910.518.681	81.202.939	1.844.930.774.080

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	462.500.000.000	462.500.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (**)	3.825.000.000.000	3.825.000.000.000
	4.287.500.000.000	4.287.500.000.000

(*) Ngoài các cam kết trên, Công ty ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 119 máy bay và với Boeing Company để mua 100 máy bay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã nhận được 25 chiếc máy bay, các máy bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Công ty từ năm 2017 đến năm 2023.

Theo các hợp đồng mua bán máy bay, các cam kết của Công ty đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến các khoản thanh toán trước khi giao các máy bay còn lại (bao gồm động cơ) là 1.200 triệu USD (đối với các máy bay Airbus) và 1.052 triệu USD (đối với các máy bay Boeing).

Ngoài ra, Công ty ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với CFM International S.A để mua 3 động cơ máy bay thay thế và với United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division) để mua 9 động cơ máy bay thay thế.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty ký một thỏa thuận bảo trì 12 năm với CFM International S.A để bảo trì các động cơ cho các máy bay Boeing 737 MAX được giao từ năm 2019 đến năm 2023. Thỏa thuận này có giá trị 3,5 tỷ USD theo báo giá và bao gồm 215 động cơ.

Công ty đặt mua 20 động cơ cho 10 máy bay mới từ CFM International S.A. Thỏa thuận này cũng bao gồm một thỏa thuận bảo trì dài hạn có giá trị là 580 triệu USD theo báo giá.

Ngoài ra, Công ty ký một bản ghi nhớ cung cấp tài chính cho các máy bay với GE Capital Aviation Services với giá trị là 1 tỷ USD vào ngày 31 tháng 5 năm 2017. GE Capital Aviation Services sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty, mua và tham gia vào thỏa thuận bán và cho thuê lại 10 máy bay.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty ký một thỏa thuận với Honeywell Aviation Services cho 98 bộ phát năng lượng tự động cho các tàu bay A320. Thỏa thuận này kéo dài đến năm 2022 và bao gồm dịch vụ bảo trì cho 12 năm. Thỏa thuận này có giá trị là 180 triệu USD.

Ngày 5 tháng 6 năm 2017, Công ty ký một thỏa thuận chiến lược với Mitsubishi UFJ Lease and Finance Co., Ltd để cung cấp tài chính mua ba tàu bay với giá trị là 348 triệu USD.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(**) Khoản cam kết này liên quan đến việc phát triển Trung tâm Công nghệ Hàng Không VietJet tại Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	5.761.307.859.463	4.552.047.459.779
▪ Quốc tế	1.007.055.719.731	369.616.715.491
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướm máy bay	1.447.599.559.231	699.140.253.155
	8.215.963.138.425	5.620.804.428.425
Doanh thu hoạt động phụ trợ	2.517.335.262.011	1.671.026.082.616
Doanh thu từ cho thuê khô máy bay	28.690.200.000	28.053.900.000
Doanh thu khác	35.212.717.771	81.514.324.715
	10.797.201.318.207	7.401.398.735.756

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	748.170.046.279	533.984.997.765
Chi phí khối khai thác bay	7.343.963.097.913	4.930.094.930.651
Chi phí khối kỹ thuật	375.425.459.518	386.664.732.028
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	14.365.392.498	8.849.944.114
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	39.240.506.318	29.955.833.834
Chi phí khấu hao và phân bổ	548.970.808.562	362.982.718.717
Chi phí khác	27.134.792.382	6.575.016.683
	9.097.270.103.470	6.259.108.173.792

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Lãi tiền gửi	28.337.632.617	30.528.297.436
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.865.151.740
Thu nhập tài chính khác	-	1.712.142.543
	28.337.632.617	48.105.591.719

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng phải trả	105.154.148.528	69.352.288.506
Chi phí lãi vay	117.897.169.144	74.155.426.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	35.692.307.410	3.472.649.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	116.032.486	4.003.156.307
	258.859.657.568	150.983.520.881

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Chi phí bán hàng	124.037.236.390	79.282.275.143
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	106.389.545.167	92.694.460.281
Chi phí nhân viên	27.152.570.561	23.880.921.555
Chi phí khấu hao và phân bổ	194.253.535	199.053.613
Chi phí khác	22.665.542.985	13.087.974.448
	280.439.148.638	209.144.685.040

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Chi phí nhân viên	43.699.285.130	34.279.340.133
Chi phí thuê văn phòng	10.555.270.985	7.756.478.197
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.090.824.405	1.505.416.114
Chi phí khác	39.037.886.514	43.300.885.086
	<hr/>	
	98.383.267.034	86.842.119.530
	<hr/>	

36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	4.002.136.236.438	2.374.992.323.608
Chi phí nhân viên và nhân công	1.003.222.404.670	844.991.970.348
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.339.176.323	8.900.889.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.784.454.994.852	2.907.478.927.845
Chi phí khác	648.939.706.859	418.730.866.580
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	72.831.466.382	47.772.056.007
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	37.277.177.527	27.051.906.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	110.108.643.909	74.823.962.201

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.099.497.444.141	747.067.223.916
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	219.899.488.828	149.413.444.783
Chi phí không được khấu trừ thuế	158.899.494	117.239.810
Ưu đãi thuế	(109.949.744.413)	(74.706.722.392)
	110.108.643.909	74.823.962.201

(c) Thuế suất áp dụng

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa công cộng, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 20%).

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa kiểm toán
Các cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Tiền gửi có kỳ hạn	4.855.654.876.000	625.000.000.000
Các khoản vay từ một cổ đông	1.368.682.010.520	659.585.641.330
Cổ tức công bố	44.100.000.000	-
Thu nhập lãi tiền gửi	22.267.901.668	11.933.451.351
Dịch vụ đã cung cấp	1.127.606.840	346.968.400
Chi phí lãi vay	879.678.214	5.927.659.178
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	2.109.000.000
Các công ty con và công ty liên kết		
Chi phí chi hộ	2.042.692.421.067	1.828.075.330.300
Dịch vụ đã cung cấp	303.490.939.199	276.673.298.563
Chi phí dịch vụ	143.562.606.667	36.572.595.099
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Cổ tức công bố	100.587.696.000	-
Thù lao và lương	7.510.398.587	6.755.715.384
Các bên liên quan khác		
Cổ tức công bố	276.321.717.000	-
Trả trước chi phí xây dựng văn phòng	6.488.193.146	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	-	9.076.438.356
Dịch vụ đã cung cấp	-	15.468.900

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa kiểm toán
Tăng tài sản cố định chưa thanh toán	243.400.022.680	85.530.843.556
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	87.265.686.211	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang phải thu ngắn hạn khác	85.434.010.190	91.214.761.170
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	478.500.000.000

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành